GIỚI THIỆU VỀ TẠNG LUẬT

Tỳ khưu Indacanda (Trương đình Dũng)

Tạng Luật (*Vinayapiṭaka*) thuộc về Tam Tạng (*Tipiṭaka*) là những lời dạy và quy định của đức Phật về các vấn đề có liên quan đến cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của hội chúng, trong đó, chủ yếu đề cập đến các tỳ khưu, một phần dành cho tỳ khưu ni, đồng thời một số vấn đề có thể áp dụng cho hàng tại gia cư sĩ cũng được tìm thấy.

Tạng Luật được chia làm 3 phần chính: *Suttavibhaṅga, Khandhaka, và Parivāra*.

I. *Suttavibhaṅga* (Phân Tích Giới Bổn) trình bày về giới bổn *Pātimokkha* của tỳ khưu gồm có 227 điều học và của tỳ khưu ni gồm có 311 điều học. Ý nghĩa của từ "*sutta*" ở nhóm từ "*suttavibhaṅga*" có ý nghĩa tương đương như là "*sikkhāpada*" (điều học, học giới, điều giới, ...), nếu xét theo ý nghĩa bao quát có thể gọi là "giới bổn." Như vậy, *Suttavibhaṅga* nghĩa là sự phân tích các điều học hoặc là sự phân tích về giới bổn (ở Tạng Kinh, từ "sutta" được dịch là "kinh", ví dụ như *Brahmajālasutta* được dịch là *Kinh Phạm Võng*, v.v...).

Theo truyền thống đang được áp dụng ở Tích Lan và Miến Điện, *Suttavibhaṅga* được phân làm hai: *Pārājikapāḷi* và *Pācittiyapāḷi*. Cách phân chia này có thể do việc chia hai số lượng sách của Suttavibhaṅga và được trình bày như sau:

Pārājikapāḷi: Mở đầu là Chương *Verañja* giới thiệu việc ngài *Sāriputta* thỉnh cầu đức Phật quy định điều học và công bố giới bổn *Pātimokkha*; khi ấy đức Phật đang an cư mùa mưa tại xứ *Verañjā*. Kế đến là các điều học được trình bày theo thứ tự:

1) 4 *Pārājika* (bất cộng trụ)
2) 13 *Saṅghādisesa* (tăng tàng)
3) 2 *Aniyata* (bất định)
4) 30 *Nissaggiya Pācittiya* (ưng xả đối trị)

Pācittiyapāḷi: trình bày phần còn lại của *Suttavibhaṅga*:

5) 92 *Pācittiya* (ưng đối trị)
6) 4 *Pāṭidesanīya* (ưng phát lộ)
7) 75 *Sekhiya* (ưng học)
8) 7 *Adhikaraṇasamathā Dhammā* (các pháp dàn xếp tranh tụng)
9) *Bhikkhunīvibhaṅga* (Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni).

Truyền thống Thái Lan cũng phân *Suttavibhaṅga* làm hai, nhưng căn cứ theo nội dung:

Mahāvibhaṅga (Đại Phân Tích): còn có tên là *Bhikkhuvibhaṅga* (Phân Tích Giới Tỳ Khưu) vì có đầy đủ phần phân tích 227 giới trong giới bổn *Pātimokkha* của tỳ khưu từ 4 *pārājika*cho đến 7 *adhikaraṇasamathā dhammā*. Bộ này được phân chia làm 2 tập: Tập I gồm 4 *pārājika*, 13 *saṅghādisesa*, và 2 *aniyata*, tập II gồm phần còn lại của giới bổn bắt đầu với 30*nissaggiya pācittiya* và kết thúc với lời tụng đọc tổng kết.

Bhikkhunīvibhaṅga (Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni) chỉ trình bày các điều học quy định dành riêng cho tỳ khưu ni, những điều học quy định chung cần phải xem ở *Bhikkhuvibhaṅga*(Phân Tích Giới Tỳ Khưu).

II. *Khandhaka* (Hợp Phần): *Khandhaka* gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương và được phân làm hai: *Mahāvagga* (*Đại Phẩm*) và *Cullavagga* (*Tiểu Phẩm*).

Chúng tôi tạm dịch *Khandhaka* là *Hợp Phần* (*khandha* có nghĩa là khối, nhóm, uẩn, ... và tiếp vĩ ngữ *-ka* trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về, có liên quan, ...).

Mahāvagga (Đại Phẩm): gồm 10 chương, mở đầu là sự chứng ngộ đạo quả của đức Phật, kế đến là các nhiệm vụ quan trọng của các tỳ khưu như lễ xuất gia, lễ *Uposatha* (Bố Tát), việc an cư mùa mưa, lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ), v.v...

Cullavagga (Tiểu Phẩm): gồm 12 chương đề cập đến việc hành xử các tỳ khưu phạm tội, giải quyết các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia. Đặc biệt chương 10 đề cập việc xuất gia của tỳ khưu ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai kỳ kết tập Tam Tạng đầu tiên ở Ấn Độ.

III. *Parivāra* (Tập Yếu): phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật.

–ooOoo–

Tạng Luật Tiếng Việt

Bản dịch tiếng Việt Tạng Luật của chúng tôi căn cứ vào văn bản Pāli Roman từ CD Budsir IV của trường đại học Mahidol (Thái Lan), được phân thành 5 bộ, có 8 tập:

1. Phân Tích Giới Tỳ Khưu (2 tập)
2. Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni
3. Đại Phẩm (2 tập)
4. Tiểu Phẩm (2 tập)
5. Tập Yếu

1. Phân Tích Giới Tỳ Khưu:

Gồm có hai tập và có thể nói gọn lại là Giới Tỳ Khưu cho dễ nhớ.

Đề cập đến nội dung, chương mở đầu Verañja trình bày về thời điểm quy định điều học cho các tỳ khưu căn cứ vào câu trả lời của đức Phật đối với sự thỉnh cầu của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) rằng: "Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Trong trường hợp này, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm." Và ngài đã xác định về thời điểm đó như sau: "Này Sāriputta, chính bởi vì một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự đông đảo về số lượng ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này, nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bổn Pātimokkha cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy."

Đến các chương kế tiếp, chúng ta biết được rằng mỗi khi điều học được quy định, trước tiên có sự chỉ trích và chê bai về việc làm hay lời nói nào đó của các vị xuất gia, việc chỉ trích và chê bai lan rộng khiến các tỳ khưu nghe được và cuối cùng đến tai đức Phật. Đối tượng vi phạm trong các câu chuyện này có thể là cá nhân hay nhóm tỳ khưu, không hẳn là phàm nhân mà ngay cả một số vị đã chứng được thiền và thần thông như các vị Devadatta với việc chia rẽ hội chúng và Sāgata do say sưa vì uống rượu, một vài trường hợp do các bậc đã chứng Thánh quả như ngài Anuruddha về việc nằm chung chỗ ngụ với người nữ, ngài Cūḷapanthaka về việc giáo huấn các tỳ khưu ni khi mặt trời đã lặn, hoặc ngài Veḷaṭṭhasīsa về việc thọ dụng vật thực đã tích trữ. Về các sự chỉ trích và chê bai, đa

số phát xuất từ hàng tại gia có thể là các cư sĩ đã quy y, những người theo ngoại đạo, hoặc quần chúng bình thường, kế đến do các vị đã xuất gia, chỉ một vài trường hợp do phi nhân hạng trên hoặc dưới. Thông thường, đức Phật triệu tập các tỳ khưu lại, xác định vấn đề, khiển trách và giáo huấn, rồi mới quy định điều học. Mỗi lần như vậy, đức Phật luôn khẳng định về mười điều lợi ích của việc làm ấy như sau: "Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật." Có nhiều trường hợp, điều học đã được quy định thêm (*anupaññatti*), có trường hợp mức độ nghiêm khắc trong việc thực hành càng gia tăng, có trường hợp được giảm nhẹ do nhu cầu cần thiết ví dụ như tỳ khưu bị bệnh có thể thọ thực ở phước xá hơn một lần, hoặc vị tỳ khưu có thể hẹn trước rồi đi chung với tỳ khưu ni ở đoạn đường có nguy hiểm hoặc chung chuyến đò lúc sang sông. Sau phần quy định về điều học, có phần phân tích về từ ngữ và về các trường hợp vi phạm hoặc không vi phạm. Phần này cần xem xét kỹ lưỡng mới có thể hiểu được điều học thêm phần chính xác. Ngoài ra, có phần các câu chuyện dẫn giải ở 4 điều học pārājika và 5 điều học đầu của saṅghādisesa, gồm những sự việc cụ thể giúp cho hiểu rõ hơn về trường hợp vi phạm tội. Khi đọc các câu chuyện này, ta nên liên hệ với phần phân tích ở phía trước để thấy được sự phán quyết của đức Phật. Một điều quan trọng cần lưu ý rằng đối tượng chính của các điều học này là hạng tỳ khưu và tỳ khưu ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư, đầu tiên là vị bà-la-môn đã được ngài Sāriputta tế độ do việc bố thí một muỗng thức ăn (Đại Phẩm, chương I, [85]).

2. Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni:

Nói gọn hơn cho dễ nhớ là Giới Tỳ Khưu Ni. Tập này trình bày 311 điều học của các tỳ khưu ni được phân chia như sau:

1) 8 *Pārājika* (bất cộng trụ)
2) 17 *Saṅghādisesa* (tăng tàng)
3) 30 *Nissaggiya Pācittiya* (ưng xả đối trị)
4) 166 *Pācittiya* (ưng đối trị)
5) 8 *Pāṭidesanīya* (ưng phát lộ)
6) 75 *Sekhiya* (ưng học)
7) 7 *Adhikaraṇasamathā Dhammā* (các pháp dàn xếp tranh tụng).

Tuy nhiên, chỉ có những điều học quy định riêng cho tỳ khưu ni (*asādhāraṇapaññatti*) được trình bày trong tập này, còn những điều quy định chung cho tỳ khưu và tỳ khưu ni (*sādhāraṇapaññatti*) cần phải xem ở Phân Tích Giới Tỳ Khưu. Ngài Buddhaghosa trong Chú Giải Tạng Luật *Samantapāsādikā* đã giúp chúng ta xác định những điều học chung này, tuy nhiên thứ tự các điều học trong giới bổn đầy đủ của các tỳ khưu ni được trình bày như thế nào không thấy ngài đề cập đến. Giới bổn đầy đủ của tỳ khưu ni được tìm thấy ở các tài liệu Pāli có tên *Bhikkhunīpātimokkha*, *Ubhato-pātimokkha*, *Dvemātikāpāḷī*, còn được lưu trữ ở các nước có Phật giáo là quốc giáo như Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện.

So sánh giới bổn *Pātimokkha* của tỳ khưu và tỳ khưu ni, có một số vấn đề đáng được lưu ý như sau:

1) Tỳ khưu ni không có phần giới *aniyata* (bất định). Tỳ khưu và tỳ khưu ni đều có 30 điều *nissaggiya pācittiya* (ưng xả đối trị), tuy có số lượng giống nhau nhưng một số điều

học lại khác nhau, 75 điều *sekhiya* (ưng học) và 7 pháp dàn xếp tranh tụng hoàn toàn giống nhau.

2) Đức Phật quy định các điều học cho các tỳ khưu ni thông qua các tỳ khưu. Mỗi khi có sự việc sanh khởi, các tỳ khưu ni đã kể lại sự việc cho các tỳ khưu, rồi các tỳ khưu mới trình lên đức Phật. Khi đức Phật quy định điều học, ngài cũng quy định gián tiếp qua các tỳ khưu: "... Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này ..." Cũng nên lưu ý về thể của động từ sử dụng trong lời nói của đức Phật: Động từ "*uddissantu*" trong trường hợp của các tỳ khưu ni thuộc mệnh lệnh cách, hàm ý sự chỉ thị, sự ra lệnh, nên được dịch là "hãy," còn "*uddisseyyātha*" áp dụng cho các tỳ khưu thuộc giả định cách có ý nghĩa khuyên bảo nhẹ nhàng được dịch là "nên;" chúng tôi chưa tìm ra được lý giải về văn phạm cho điểm này, cũng có thể lối nói gián tiếp hay trực tiếp là lý do của sự khác biệt này. Và trong các câu chuyện ở Tạng Luật, dường như chỉ có bà Mahāpajāpati Gotamī là chủ động thưa chuyện cùng đức Phật, còn các tỳ khưu ni chỉ lắng nghe và trả lời mỗi khi đức Phật hỏi đến.

3) Các tỳ khưu ni khi đến với đức Phật đều đứng cho dù nghe Pháp. Điều này được ghi nhận ở các đoạn văn "... rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên..." Và khi từ giã đức Phật, chỉ có phần mô tả việc các tỳ khưu ni đảnh lễ đức Phật, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi, không có đoạn "... từ chỗ ngồi đứng dậy..." Riêng đối với các tỳ khưu, vị tỳ khưu ni cần phải xin phép khi ngồi xuống ở phía trước (*pācittiya* điều 94).

4) Tội quy định cho tỳ khưu thường được giảm nhẹ so với các tỳ khưu ni trong khi cả hai đều thực hiện hành động phạm tội giống nhau. Ví dụ như việc che giấu tội *pārājika* của vị khác, tỳ khưu phạm *pācittiya* (ưng đối trị) điều 64, tỳ khưu ni lại phạm *pārājika* (bất cộng trụ) điều 2, hoặc vị xu hướng theo tà kiến và vẫn không dứt bỏ sau khi được nhắc nhở, tỳ khưu phạm *pācittiya* (ưng đối trị) điều 68, còn tỳ khưu ni phạm *pārājika* (bất cộng trụ) điều 3, v.v...

5) Tuy nhiên, tỳ khưu ni cũng được 2 điều giảm nhẹ là chỉ hầu cận ni sư tế độ 2 năm, trong khi tỳ khưu tối thiểu phải 5 năm hoặc hơn, và tỳ khưu ni không phải hành *parivāsa* khi phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng), bù lại, phải thực hành *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng (trong khi đó tỳ khưu phải hành *parivāsa* tùy theo số ngày che giấu và chỉ 6 đêm*mānatta*).

6) Vấn đề xuất gia cho người nữ có phần phức tạp hơn, ví dụ như ni sư tế độ phải 12 năm thâm niên (so với tỳ khưu chỉ 10 năm) và không thể tiếp độ hàng năm (*pācittiya* điều 82), điều này không thấy quy định cho tỳ khưu. Sau khi cho tu lên bậc trên xong, cần phải di chuyển vị tân tỳ khưu ni đi xa, để tránh trường hợp người chồng bắt lại (*pācittiya* điều 70).

7) Về phần giới tử ni muốn tu lên bậc trên, phải có sự cho phép của cha mẹ và người chồng (đã xuất giá vẫn còn lệ thuộc vào cha mẹ), phải tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành sáu pháp trong hai năm, và sự truyền pháp tu lên bậc trên cần được tiến hành lần lượt ở cả hai hội chúng.

8) Xã hội Ấn Độ thời đó có vẻ rất nguy hiểm đối với nữ giới qua những sự việc bất trắc xảy ra cho các tỳ khưu ni đi riêng lẻ hay nhóm.

9) Vấn đề thâu hồi *Kaṭhina* lại được tìm thấy ở bộ Luật này (*pācittiya* điều 30, [253]), thay vì được kết tập ở chương *Kaṭhina* (Đại Phẩm, chương VII).

Nếu xem xét kỹ lưỡng hai bộ Luật của tỳ khưu và tỳ khưu ni, chúng ta có thể tìm ra những sự khác biệt về tâm lý giữa hai giới tính đã được đức Phật nghiệm ra bằng sự tu chứng và

giác ngộ của bản thân, trong khi hiện nay, môn Tâm Lý Học phải tốn nhiều công sức với các sự nghiên cứu để tìm ra nguyên lý và áp dụng vào thực tế. Chúng tôi nghĩ rằng còn nhiều vấn đề lý thú khác mà bản thân chúng tôi đã bỏ sót hay không đủ khả năng để phát hiện.

3. Đại Phẩm:

Đại Phẩm gồm có mười chương:

1. Chương 1 nói về sự khởi đầu của Giáo Pháp được tính từ lúc đức Thế Tôn chứng đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, và bao gồm quá trình hình thành nghi thức cho xuất gia và tu lên bậc trên trở thành tỳ khưu, cùng một số vấn đề liên quan đến việc huấn luyện các vị xuất gia.

2. Chương 2 giảng giải về lễ *Uposatha* với nguyên nhân ban đầu là lời thỉnh cầu của đức vua Seniya Bimbisāra và nhiều vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc lễ, như việc ấn định ranh giới (*sīmā*) và nhà hành lễ *Uposatha*, việc sám hối, việc đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, v.v... Việc gìn giữ sự hợp nhất của hội chúng là điểm được nhấn mạnh ở chương này.

3. Chương 3 giảng giải về việc vào mùa (an cư) mưa. Tuy chỉ được ghi lại trong hai tụng phẩm, nhưng nội dung của chương này trình bày những sự việc có liên quan đến 1/3 thời gian sống và tu tập của vị tỳ khưu. Chương này cần được xem xét kỹ lưỡng vì có những tư liệu mới chưa được trình bày trong các tài liệu về Luật đã được phổ biến.

4. Chương 4 giảng giải về lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ) tức là một trong những hình thức góp ý nhau về đời sống tu tập có liên quan đến giới luật. Hành sự của lễ *Pavāraṇā* tuy chỉ được tiến hành một lần trong năm sau ba tháng cư trú mùa mưa, nhưng có tầm quan trọng tương đương với lễ *Uposatha* nhằm bảo tồn sự trong sạch đồng thời tính hợp nhất của hội chúng.

5. Chương 5 nói về da thú có liên quan đến đời sống của các vị tỳ khưu ví dụ như giày dép, v.v... Câu chuyện xuất gia của thanh niên Soṇa Koḷivisa ở đầu chương giới thiệu về sự nỗ lực tinh tấn của vị tỳ khưu trẻ tuổi này, dẫu rằng do chính sự tinh tấn quá mức này đã là chướng ngại cho sự đắc chứng của vị ấy nhưng cũng là một ví dụ để chúng ta thấy được động cơ tu tập của các vị xuất gia vào thời đức Phật còn tại tiền.

6. Chương 6 nói về dược phẩm và các cách thức chữa bệnh. Chương này gồm có 4 tụng phẩm đề cập đến cách thức chữa trị một số bệnh thông thường, về một số quy định đã được áp dụng trong thời kỳ khó khăn về vật thực, về đức tin vững chắc của nữ cư sĩ Suppiyā, về vấn đề thọ dụng cá và thịt trong Phật Giáo, ngoài ra, còn có câu chuyện về kỹ nữ Ambapālī và một số vấn đề khác vẫn còn có được sự ứng dụng thực tiễn trong thời hiện tại.

7. Chương 7 giảng giải về lễ dâng y *Kaṭhina*. Đây là cuộc phước thí có tầm vóc quan trọng, vì sự thành tựu của *Kaṭhina* không những có ảnh hưởng đến phước báu của người thí chủ mà còn có liên quan đến sự tu tập của các tỳ khưu. Sự giảng giải chi tiết với những sự việc tương phản của chương này có lẽ không ngoài mục đích trình bày một số điểm tế nhị cần đến sự chú tâm suy xét.

8. Chương 8 là chương về y phục giảng giải về loại y và các vấn đề có liên quan về nhiều phương diện. Điểm thú vị ở chương này là tụng phẩm mở đầu với câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca và tài năng chữa bệnh của vị này, đáng ngạc nhiên là việc giải phẩu ở đầu và ở bụng đã được tiến hành vào thời gian cách đây hơn 2,500 năm.

9. Chương 9 được đặt tên theo một sự kiện xảy ra ở Campā, nêu lên một tiền lệ không tốt đẹp về việc sử dụng sức mạnh tập thể để áp đặt hành phạt sai trái lên cá nhân. Thời bấy giờ còn có đức Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời hiện tại trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các hội chúng tỳ khưu ở những trú xứ khác nếu có sự thỉnh cầu. Các điều giảng giải trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của hội chúng đối với các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào số lượng tỳ khưu hiện diện, và một số nguyên tắc cần được áp dụng để bảo đảm tính chất đúng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của hội chúng cùng với việc thâu hồi các hành sự ấy cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo.

10. Chương thứ 10 nói về sự việc chia rẽ hội chúng ở Kosambī từ lúc khởi đầu đến hồi kết thúc. Mầm mống chia rẽ trong câu chuyện này chỉ là một sự tranh cãi về một điều Luật không quan trọng, từ sự xung đột cá nhân đã lan rộng đến tập thể và trở nên căng thẳng không những đưa đến ẩu đả giữa các tỳ khưu mà còn khiến cho đức Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phục vụ của voi và khỉ. Yếu tố đưa đến việc giải quyết sự chia rẽ này là hành động tẩy chay tích cực của các cư sĩ ở thành Kosambī, cuối cùng sự tranh tụng được giải quyết do sự phục thiện của vị tỳ khưu sai trái. Câu chuyện về hoàng tử Dīghāvu và nếp sống sinh hoạt của ba vị đại đức Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm đề cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là yếu tố quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể.

4. Tiểu Phẩm:

Tiểu Phẩm là phần thứ nhì của bộ Hợp Phần gồm có 12 chương:

1. Chương đầu là chương Hành Sự đề cập đến bảy loại hành sự nhằm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh vị tỳ khưu có những hành vi không đúng với Pháp, không đúng với Luật, hầu tạo điều kiện cho vị ấy có cơ hội phục thiện và sửa đổi. Bảy hành sự ấy là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

2. Chương 2 giảng giải về cách thức phục hồi cho vị tỳ khưu phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng) từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn *parivāsa, mānatta, mūlāya paṭikassanaṃ* nếu vi phạm lại tội ấy hoặc tội tương tợ trong thời gian thực thi hành phạt, và cuối cùng là phần giải tội *abbhāna* để phục hồi phẩm vị trước đây cho vị tỳ khưu phạm tội.

3. Chương 3 giảng giải về các trường hợp đặc biệt của vị tỳ khưu trong khi đang thực thi các hành phạt để thoát khỏi tội *saṅghādisesa* lại tiếp tục vi phạm tội ấy nữa, hoặc các tội tương tợ cùng nhóm.

4. Chương 4 giảng giải về bảy cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp đối với bốn loại tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

5. Chương 5 là chương các Tiểu Sự đề cập đến nhiều vấn đề có liên quan đến sự sinh hoạt hàng ngày của vị tỳ khưu về nhiều khía cạnh khác nhau, như cách phục sức, thuyết Pháp, các vật dụng, v.v...

6. Chương 6 Sàng Tọa thuật lại việc dâng cúng 60 trú xá đầu tiên của một nhà đại phú ở thành Rājagaha cho đến sự cúng dường một tu viện hoàn chỉnh của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) và các vấn đề liên quan như việc xây dựng, cách thức sử dụng, và các sự phân công trong việc quản lý tu viện.

7. Chương thứ 7 là chương Chia Rẽ Hội Chúng, bắt đầu với câu chuyện dài giới thiệu sự sinh hoạt trong một gia đình tiêu biểu của dòng họ Sākya (Thích Ca), tiếp đến sự xuất gia của sáu thanh niên thuộc dòng họ này, trong đó có Devadatta về sau là người khởi xướng và tiến hành việc chia rẽ hội chúng. Chương này được kết thúc với những câu hỏi của trưởng lão Upāli để xác định những điểm khác biệt giữa sự bất đồng trong hội chúng là việc thường xảy ra trong tập thể, và sự chia rẽ hội chúng là việc có tính chất nghiêm trọng. Nghiệp quả xấu dành cho kẻ chia rẽ hội chúng và phước báu của vị làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ cũng được đề cập đến ở chương này.

8. Chương thứ 8 giảng giải về 14 phận sự trong đời sống xuất gia. Cuộc sống của vị tỳ khưu được mô tả đầy đủ trong chương này, bắt đầu với phận sự của vị tỳ khưu vãng lai, thường trú, hoặc chuẩn bị ra đi, luôn cả phận sự của vị tỳ khưu đối với chỗ trú ngụ ở trong rừng hoặc ở trong tu viện. Các phận sự thường nhật như đi khất thực, phận sự ở nhà ăn, tùy hỷ phước báu của thí chủ, việc sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh đều được mô tả chi tiết. Ngoài ra, còn quy định các phận sự tương tác giữa thầy tế độ và thầy dạy học đối với các đệ tử hoặc học trò có liên hệ nữa. Cuộc sống chung có được tốt đẹp hay không chính là do sự nhận thức và thực hành các phận sự này của hàng xuất gia, điển hình là các vị tỳ khưu.

9. Chương thứ 9 Đình Chỉ Giới Bổn *Pātimokkha* trình bày nguyên do việc đức Thế Tôn đã thuyết giảng về tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả, để so sánh với tính chất đặc biệt của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đồng thời có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đọc tụng giới bổn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu kể từ thời điểm ấy trở đi. Phương thức đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* nhằm để bảo vệ sự trong sạch của hội chúng, bằng cách loại ra những tỳ khưu phạm tội nhưng vẫn che giấu hoặc tỏ ra không hay biết. Đặc biệt chương này còn đề cập đến nhiều chi tiết tế nhị trong việc khiển trách tội của vị tỳ khưu nguyên cáo và thái độ thích hợp của vị tỳ khưu bị cáo hầu giữ được hòa khí của hai bên.

10. Chương thứ 10 đề cập việc xuất gia của tỳ khưu ni với đầy đủ chi tiết, bắt đầu với việc cầu xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamī, sau đó đã được tu lên bậc trên do sự chấp thuận Tám Trọng Pháp, kế đến là năm trăm công nương dòng Sākya được xuất gia với hội chúng tỳ khưu, tiếp nữa là tiến trình tu lên bậc trên với cả hai hội chúng: với hội chúng tỳ khưu ni trước rồi với hội chúng tỳ khưu sau. Trong trường hợp đặc biệt, hành sự tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khưu có thể được tiến hành với sự hiện diện của vị tỳ khưu ni là người đại diện. Ngoài ra, một số vấn đề nảy sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kết tập ở chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng về chương này có thể nắm được nét chung về sự sinh hoạt của tỳ khưu ni vào thời bấy giờ.

11. Chương thứ 11 nói về cuộc kết tập Tam Tạng lần thứ nhất ở Ấn Độ. Ngoài những sử liệu liên quan đến công việc kết tập lời dạy của đức Phật gồm có phần duyên khởi, việc chuẩn bị và tiến hành, chương này còn đề cập đến lời tuyên bố của đại đức Purāṇa về việc vị ấy chỉ ghi nhận những lời dạy do chính bản thân đã được nghe trực tiếp từ kim khẩu của đức Thế Tôn, về việc các vị trưởng lão quyết định không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều học nào, sự tuân thủ của đại đức Ānanda đối với các bậc trưởng lão, và cách thức áp dụng hình phạt *Brahma* (Phạm đàn).

12. Chương thứ 12 nói về lần kết tập Tam Tạng lần thứ nhì ở Ấn Độ với phần duyên khởi ở Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô Dư Niết Bàn. Các chi tiết về tiến trình vận động của cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho độc giả biết được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe nhóm thứ hai sau lần ở Kosambī được ghi chép lại, tiếc rằng sử liệu này dừng ở thời điểm kết thúc của lần kết tập này mà không tiết lộ thêm chi tiết nào về sự phân chia tông phái về sau này.

5. Tập Yếu:

Tập Yếu (*Parivāra*) là bộ cuối cùng của Tạng Luật (*Vinayapiṭaka*). Về ý nghĩa của từ *parivāra*, học giả I. B. Horner phân tích như sau: "... pari là tiếp đầu ngữ có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và vāra lấy theo từ gốc của *Sanskrit* là *√vṛ* có nghĩa là bao phủ..." (*√vṛ* còn có nghĩa thứ hai là chọn lựa); dựa theo đó, chúng tôi tạm lấy tên là "Tập Yếu", có ý nghĩa nôm na là "Tập hợp lại những điều chính yếu." Những điều chính yếu ấy đã được chọn lọc từ hai bộ Luật *Suttavibhaṅga* và *Khandhaka* rồi được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt.

Như vậy, phải chăng bộ Tập Yếu này không đem lại tư liệu gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã đọc qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể khẳng định rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều đức Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc hệ thống hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các câu hỏi sau: "Các điều học đã được quy định ở bao nhiêu địa điểm? Mỗi địa điểm như vậy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy định chung cho tỳ khưu và tỳ khưu ni? Là các điều học nào? Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho tỳ khưu, cho tỳ khưu ni? Là các điều học nào? v.v... Bộ Tập Yếu đã giải quyết các câu hỏi đó giúp cho người đọc khỏi phải mất thì giờ vận dụng ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại.

Mười chín chương của bộ Tập Yếu được trình bày theo thứ tự như sau:

I. Chương Mười Sáu Phần Chính thuộc Phân Tích Giới Tỳ khưu: Tóm lược đầy đủ 227 điều học của tỳ khưu.

II. Chương Mười Sáu Phần Chính thuộc Phân Tích Giới Tỳ khưu Ni: là phần tóm lược *Bhikkhunīvibhaṅga* gồm các điều học được quy định riêng cho tỳ khưu ni, cách trình bày cũng tương tợ như ở chương trên dành cho tỳ khưu.

III. Tóm Lược về Nguồn Sanh Tội: Từ thân khẩu ý được phân chia thành sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân, v.v... Có tội chỉ có một nguồn sanh tội, có tội có hai, có tội có ba, có tội có bốn, có tội có sáu, và tất cả có mười ba nhóm có nguồn sanh tội giống nhau.

IV. Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sự Trùng Lặp Liên Tục và (b) Phân Tích Cách Dàn Xếp, nhưng phần (b) chỉ là phần tiếp theo của phần (a) chưa được hoàn tất. Sở dĩ nhận ra được hai phần riêng biệt do việc các nhà kết tập vẫn lưu lại câu văn báo hiệu sự kết thúc của phần đầu: "*antarapeyyālaṃ niṭṭhitaṃ*" có nghĩa là "Sự Trùng Lặp Liên Tục được chấm dứt." Về phương diện hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mở đầu bằng dạng tiêu đề (*mātikā*).

V. Các Câu Hỏi về bộ Hợp Phần: Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gồm có Đại Phẩm và Tiểu Phẩm dưới dạng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ Luật này.

VI. Tăng Theo Từng Bậc: được trình bày dưới dạng pháp số từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tợ như ở Kinh Tăng Chi Bộ thuộc Tạng Kinh.

VII. Các Câu Vấn Đáp về Lễ *Uposatha*, v.v... Chỉ là một chương ngắn đề cập đến các hành sự từ lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, ... hành phạt *mānatta*, và sự giải tội. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định điều học. Điều đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "*Mahāvaggo niṭṭhito*" nghĩa là "Đại Phẩm được chấm dứt," trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ Tạng Luật chứ không phải chỉ riêng ở Đại Phẩm.

VIII. Sưu Tập Các Bài Kệ: Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám địa điểm đã xảy ra việc quy định của các điều học, mỗi nơi là bao nhiêu điều học, v.v... ngoài ra còn phân các điều học thành nhóm theo nhiều khía cạnh khác nhau như quy định chung, quy định riêng, v.v...

IX. Phân Tích Sự Tranh Tụng: Phân tích chi tiết về bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Chủ đề được trình bày cô đọng nhưng không kém phần súc tích cần được tham khảo.

X. Sưu Tập Khác về Các Bài Kệ: Chỉ là một chương ngắn thuần túy ở thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến vị cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chủ yếu mà vị cáo tội cần phải quán xét trong quá trình cáo tội vị khác.

XI. Chương Cáo Tội: là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến vị cáo tội và vị xét xử.

XII. Xung Đột (Phần Phụ): Chỉ là một chương ngắn có liên quan đến vị xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới lạ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đọc qua.

XIII. Xung Đột (Phần Chính): Sự thực hành của vị xét xử được giảng giải chi tiết. Cách thức được trình bày tương tợ như ở bộ Phân Tích Giới Bổn, trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giải thích ý nghĩa của từng câu.

XIV. Phân Tích *Kaṭhina*: Các điều cần biết về *Kaṭhina* được gom tụ lại dưới dạng hỏi đáp có tính cách tổng quát nhưng không kém phần súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết chưa được trình bày ở chương *Kaṭhina* thuộc Đại Phẩm.

XV. Nhóm Năm của Upāli: là các câu hỏi của ngài Upāli và câu trả lời của đức Phật như đã được thấy trong Đại Phẩm và Tiểu Phẩm .

XVI. Nguồn Sanh Khởi: Trình bày về nguồn sanh tội như đã được đề cập ở chương I, II, III. Trong chương này, nguồn sanh tội là chủ đề chính và được trình bày cô đọng theo từng điều học một.

XVII. Sưu Tập Các Bài Kệ (Phần Hai): Là các câu hỏi đáp liên quan đến tội vi phạm. Tuy nhiên, câu trả lời chỉ có tính cách gợi ý. Có câu có thể dễ dàng liên hệ được vấn đề, nhưng nhiều câu trả lời khác đã chiếm mất nhiều thời gian của chúng tôi trong việc tìm hiểu ý nghĩa từ lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng như xem xét và kiểm tra các phần trích dẫn của Cô I. B. Horner trong bản dịch tiếng Anh.

XVIII. Các Bài Kệ Làm Xuất Mồ Hôi: là các câu hỏi khó khiến người đọc phải lúng túng và đổ mồ hôi khi suy nghĩ. Về chương này, phần cước chú là điều không thể thiếu sót và cũng đã tạo ra nhiều khó khăn cho chúng tôi trong việc xác định vấn đề. Có một vài câu

hỏi, chúng tôi chỉ ghi lời dịch và không thực hiện phần giải thích vì không xác định được nguồn trích dẫn.

XIX. Năm Phần: Trình bày theo năm đề tài: Hành sự, điều lợi ích, sự quy định các loại hành sự, bảy cách dàn xếp đã được quy định, và sự tổng hợp theo chín vấn đề khác nhau.

Về phần tác giả, nói đúng hơn là vị đã biên tập tài liệu này, chúng ta chỉ biết được tên vị ấy là Dīpa qua lời tổng kết ở phần cuối của tập sách. Vị ấy được giới thiệu là "bậc trí tuệ đã học hỏi từ các vị thầy và thực hiện *Parivāra* nhằm làm sáng tỏ Chánh Pháp, giúp cho người học Phật giải quyết những hoài nghi đã sanh khởi." Có ý kiến cho rằng Dīpa là một vị xuất gia người ở đảo Tích Lan (Dịch giả I. B. Horner ghi lại theo Winternitz, *A History of Indian Literature*, Volume ii, p. 33).

Về thời điểm, cũng không thể xác định chắc chắn. Dựa vào bài kệ liệt kê tên các vị trưởng lão kế thừa Tạng Luật được đề cập ở đoạn [3] nêu tên năm vị thuộc Jambudīpa (Ấn Độ), kế tiếp là nhóm năm vị dẫn đầu là ngài Mahinda có trách nhiệm đi hoằng Pháp ở Tambapaṇṇi, và vị trưởng lão cuối cùng trong danh sách ấy có tên là Sīva. Có tài liệu phỏng đoán rằng vị Sīva đã sống vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch (Oskar Von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature*, tr. 22); như vậy, có thể suy luận rằng tập *Parivāra* được thực hiện vào khoảng thời gian đó. Địa điểm đã thực hiện *Parivāra* được mặc nhiên chấp nhận là ở trên hòn đảo Tambapaṇṇi ấy (tức là nước Sri Lanka ngày nay).

Về nội dung, có các vấn đề đáng được lưu ý như sau:

1) *Parivāra* tuy được xếp vào *Tipiṭaka* (Tam Tạng), nhưng phần lớn của Parivāra không phải là những điều đã được nghe trực tiếp từ chính kim khẩu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. *Parivāra* tuy không khẳng định là Phật ngôn nhưng các vấn đề thảo luận không đi ra ngoài những lời dạy của đức Phật.

2) *Parivāra* hiện đang sử dụng gồm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ "*Parivāraṃ niṭṭhitaṃ*" báo hiệu sự kết thúc của Parivāra. Dịch giả I. B. Horner dẫn chứng rằng các bản Chú Giải về Luật và Kinh Trường Bộ của ngài Buddhaghosa đề cập đến "*soḷasaparivāra*" nghĩa là *Parivāra* gồm có 16 chương và lưu ý chúng ta về chương IV gồm có 2 phần riêng biệt là *Anantarapeyyāla* (Sự trùng lặp liên tục) và *Samathabheda* (Phân tích cách dàn xếp) và chương VII gồm có *Uposathādipucchāvissajjanā* (Các câu vấn đáp về lễ *Uposatha*, v.v...) và *Atthavasapakaraṇa* (Lời giải thích về điều lợi ích) đã được thu gọn lại; theo cách giải thích này chúng ta có được *Parivāra* với mười sáu chương theo như các Chú Giải đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX ở phần Chánh Tạng và Chú Giải đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài Buddhaghosa (vào khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây Lịch)? Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cuộc khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng.

3) Có điều cần nói thêm rằng: *Parivāra* không phải là sách để đọc thông thường mà được xem là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiều góc cạnh, theo từng chủ đề có thể giúp cho người đọc xác định lại kiến thức và góp phần vào việc củng cố sự ghi nhớ. Tuy nhiên, người đọc phổ thông cũng có thể học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề.

Nội dung của Tạng Luật tuy có chủ đề là các điều học đã được đức Phật quy định cho các tỳ khưu và tỳ khưu ni, nhưng còn được lồng vào những câu chuyện dẫn nhập trình bày

bối cảnh xã hội của Ấn Độ vào thời đức Phật. Nếu nghiên cứu kỹ người đọc có thể chọn lọc ra những tư liệu giá trị về lịch sử, y khoa, tâm lý, v.v... và rút ra được những bài học có thể ứng dụng trong đời tu tập sống hàng ngày của hàng xuất gia lẫn tại gia cư sĩ.

Mong rằng bản dịch tiếng Việt Tạng Luật sẽ đóng góp chút ít công đức trong việc tu học và nghiên cứu của quý vị.

Sri Jayawardhanaramaya,
Ngày 04 tháng 07 năm 2005
Bhikkhu Indacanda
(Trương đình Dũng)

–ooOoo–